

Số: 545 /BC/MPC

Huế, ngày 30 tháng 11 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty cổ phần Dược Medipharco

Mã chứng khoán: MTP

Sàn giao dịch: Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

UPCoM

Địa chỉ trụ sở chính: Số 08 Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện thoại: (0234).3822701 /3822704/3823768

Người công bố thông tin: Bà Phan Thị Minh Tâm

Loại thông tin công bố: 24h

Nội dung thông tin công bố: Ngày 30/11/2023, CTCP dược Medipharco đã ký Hợp đồng số 199/2023/HĐKT-E.AFA với Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cho năm Tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty (www.medipharco.com.vn) vào ngày 30/11/2023.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố

Nơi nhận: - Như trên

- Đăng tải WESITE của công ty,
- CBTT qua HT IDS của UBCKNN, HNX
- Lưu VT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PRESIDENT



Ds. Phan Thị Minh Tâm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

Số: 199/2023/HĐKT - E.AFA

Đà Nẵng, 30 ngày 11 tháng năm 2023

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

(V/v: Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của

Công ty Cổ phần Dược Medipharco)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Người đại diện : Ông **HOÀNG NGỌC HOÀI PHONG**
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Số 8, Nguyễn Trùng Tộ, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
Tel : 0234.3822701
Mã số thuế : 3300101406
Tài khoản số : 0161000000426
Tại Ngân hàng : TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Huế

BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM

Người đại diện : Ông **PHẠM QUANG TRUNG**
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Địa chỉ : 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng, Việt Nam
Email : info@ecovis.com.vn
Tel : (0236) 3633 333
Fax : (0236) 3633 338
Mã số thuế : 04 01632052
Tài khoản số : 004 1000 20 60 68
Tại Ngân hàng : TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đà Nẵng

Điều 1: Nội dung hợp đồng

Bên B đồng ý cung cấp cho bên A dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính củ**□** bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, b**□** gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh do**□**nh, Báo cáo th**□**y đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo l**□**u chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Cuộc kiểm toán củ**□** bên B đ**□**ợc thực hiện với mục tiêu đ**□**ợc r**□** ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính củ**□** bên A.

Điều 2: Trách nhiệm của các bên

Trách nhiệm của bên A

Cuộc kiểm toán củ**□** bên B sẽ đ**□**ợc thực hiện trên cơ sở B**□**n Tổng Giám đốc và B**□**n quản trị củ**□** bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và th**□** nhận có trách nhiệm:

- (**□**) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (do**□**nh nghiệp) Việt N**□**m và các quy định pháp lý có liên qu**□**n đến lập và trình bày báo cáo tài chính đ**□**ợc áp dụng;
- (b) Đối với kiểm soát nội bộ mà B**□**n Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn s**□** sót trọng yếu do gi**□**n lận hoặc do nhầm lẫn;
- (c) Đảm bảo các sổ kế toán và chứng từ kế toán thích hợp đ**□**ợc l**□**u giữ để phản ánh tình hình tài chính củ**□** Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã đ**□**ợc áp dụng;
- (d) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:
 - (i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà B**□**n Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên qu**□**n đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính nh**□** chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - (ii) Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và do**□**nh nghiệp kiểm toán yêu cầu B**□**n Tổng Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích củ**□** cuộc kiểm toán;
 - (iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự củ**□** bên A mà kiểm toán viên và do**□**nh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên qu**□**n cùng làm việc với bên B trong quá trình kiểm toán.

Việc B**□**n Giám đốc không thể cung cấp cho Bên B các thông tin đ**□**ợc đề cập nh**□** trên hoặc quyền tr**□**o đổi với nhân viên trong Công ty củ**□** Bên A có thể gây chậm hoàn thành công việc và phát hành báo cáo củ**□** Bên B, và/hoặc th**□**y đổi phạm vi các thủ tục kiểm toán, hoặc thậm chí dẫn tới việc Bên B chấm dứt cung cấp dịch vụ.

B**□**n Tổng Giám đốc và B**□**n quản trị củ**□** bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Th**□** giải trình củ**□** B**□**n Tổng Giám đốc và B**□**n quản trị”, một trong những yêu cầu củ**□** Chuẩn mực Kiểm toán Việt N**□**m, trong đó nêu rõ trách nhiệm củ**□** B**□**n Tổng Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh h**□**ởng củ**□** từng s**□** sót, cũng nh**□** tổng hợp các s**□** sót không đ**□**ợc điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các s**□** sót liên qu**□**n đến các kỳ tr**□**ớc là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên củ**□** bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng củ**□** bên A.

Th**□**nh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán cho bên B theo quy định tại Điều 5 củ**□** hợp đồng này.

Trách nhiệm của bên B

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các Chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phạm vi tổng thể, có còn sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá rủi ro kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do ghi lộn hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Bên Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của Báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán trên cơ sở các báo cáo tài chính, hồ sơ và chứng từ mà bên A cung cấp.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thuyết giải trình của Bên Tổng Giám đốc và Bên quản trị bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá các rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về bất kỳ điểm yếu kém nào trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

Điều 3: Báo cáo kiểm toán

Sau khi hoàn thành cuộc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A báo cáo kiểm toán kèm theo các báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trong trường hợp cần thiết, sẽ phát hành Thuyết quản lý đề cập đến những hạn chế cần khắc phục và ý kiến đề xuất của kiểm toán viên nhằm cải tiến công tác kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của bên A. Số lượng Báo cáo kiểm toán được phát hành là 07 bản tiếng Việt, trong đó Bên B lưu lại 01 bản và giao cho Bên A 06 bản.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp bên A dự định phát hành báo cáo kiểm toán của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về Báo cáo tài chính đã

được kiểm toán, Bên Tổng Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản cũ tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.

Điều 4: Thời gian tiến hành kiểm toán

Thời gian bắt đầu kiểm toán do bên A đề nghị nhưng phải thông báo trước cho bên B ít nhất 10 ngày.

Thời gian phát hành báo cáo kiểm toán trong vòng 07 ngày kể từ ngày bên A lập lại Báo cáo tài chính đã điều chỉnh sau kiểm toán.

Điều 5: Phí dịch vụ và phương thức thanh toán

Phí dịch vụ:

Bên A đồng ý trả cho bên B số tiền dưới đây để thực hiện công việc ghi ở Điều 1.

Phí kiểm toán: 90.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Chín mươi triệu đồng chẵn.)

Phí trên chưa bao gồm thuế GTGT.

Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng.

Thời điểm thanh toán: Bên A tạm ứng 50% giá trị hợp đồng khi bên B bắt đầu cuộc kiểm toán, số tiền còn lại (50%) sẽ được thanh toán đầy đủ khi bên B bàn giao báo cáo kiểm toán cho bên A.

- Hồ sơ tạm ứng: Giấy đề nghị tạm ứng;
- Hồ sơ thanh toán: Giấy đề nghị thanh toán, Báo cáo tài chính đã kiểm toán theo hợp đồng, Hóa đơn GTGT theo quy định.

Điều 6: Cam kết thực hiện

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây. Trường hợp hai bên không tự mình giải quyết được thì thống nhất chọn Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng làm nơi phân xử.

Điều 7: Hiệu lực, ngôn ngữ và thời hạn hợp đồng

Hợp đồng này gồm 04 trang, được lập thành 04 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của hai bên. Mỗi bên giữ 02 bản.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi Bên A và Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên hoặc hai bên cùng nhất trí hủy bỏ hợp đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Tổng Giám đốc

HOÀNG NGỌC HOÀI PHONG

ĐẠI DIỆN BÊN B
Tổng Giám đốc

PHẠM QUANG TRUNG